|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU THÔNG TIN KHÁCH HÀNG**  ***(Áp dụng với trường hợp Khách hàng đề nghị vay tiền mặt với mục đích tiêu dùng)*** | | | | | | | | | | | | | | |
| **I.** | **THÔNG TIN CÁ NHÂN NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN** | | | | | | | | | | | | | |
| 1. | Họ và tên\*: ${data\_entry\_de: customerName} | | | | | | | | | | | | | |
| 2. | Ngày sinh\*: ${data\_entry\_de: DOB} | | 3. | | Giới tính\*: ${data\_entry\_de: gender} | | | | | | | | | |
| 4. | Tình trạng hôn nhân\*: ${data\_entry\_de: maritalStatus} | | | | | | | | | | | | | |
| 5. | Học vấn\*: ${data\_entry\_de: education} | | | | | | | | | | | | | |
| 6. | Số CMND/CCCD/CMQĐ\*: ${data\_entry\_de: citizenID} | | | | | | | | | | | | | |
| 7. | SĐT di động\*: ${data\_entry\_de: mobilePhone} | | 8. | | Email: ${data\_entry\_de: email} | | | | | | | | | |
| 9. | Địa chỉ thường trú\*: ${data\_entry\_de: permanentResidence} - ${data\_entry\_de: permanentResidenceWard} - ${data\_entry\_de: permanentResidenceDistrict} - ${data\_entry\_de: permanentResidenceProvince} | | | | | | | | | | | | | |
| 10. | Địa chỉ hiện tại\*: ${data\_entry\_de: temporaryResidenceSum} | | | | | | | | | | | | | |
| 11. | Thời gian sinh sống tại địa chỉ hiện tại\*: ${data\_entry\_de: livingTimeAtTemporaryAddressInYear} năm ${data\_entry\_de: livingTimeAtTemporaryAddressInMonth} tháng | | | | | | | | | | | | | |
| 12. | Tình trạng chỗ ở\*: ${data\_entry\_de: accommodationType} | | | | | | | | | | | | | |
| **II.** | **THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ VAY VỐN** | | | | | | | | | | | | | |
| 1. | Mục đích vay\*: ${data\_entry\_de: loanPurposeOther} | | | | | | | | | | | | | |
| 2. | Thời gian vay\* 1: ${data\_entry\_de: loanTenor} | | 3. | | Tên sản phẩm\*: ${data\_entry\_de: schemeProduct} | | | | | | | | | |
| 4. | Đăng ký mua bảo hiểm dư nợ tín dụng\*: ${data\_entry\_de: hasInsurrance} | | | | | | | | | | | | | |
| 5. | Số tiền/ Hạn mức đề nghị vay (VNĐ)\*: ${data\_entry\_de: loanAmountSale} | | | | | | | | | | | | | |
| 6. | Thông tin hợp đồng Bảo hiểm Nhân thọ *(Bắt buộc điền nếu vay CS Insurance):* | | | | | | | | | | | | | |
|  | Tên công ty BH: ${data\_entry\_de: lifeInsuranceCompanyName} | | | Tiền phí Bảo hiểm định kỳ (VNĐ): ${data\_entry\_de: insuranceTermFee} | | | | | | | | | | |
|  | Định kỳ đóng phí: ${data\_entry\_de: insuranceTerm} | | | | | | | | | | | | | |
| 7. | Giá trị bình quân trên hóa đơn tiện ích *(Bắt buộc điền nếu vay CS EVN, CS U-bill):* ${data\_entry\_de: averageElectricBill} *(VNĐ).* | | | | | | | | | | | | | |
| 8. | Số dư bình quân tài khoản *(Bắt buộc điền nếu vay CS Bank Surrogate):* ${data\_entry\_de: averageAccountBalance} *(VNĐ).* | | | | | | | | | | | | | |
| 9. | Giá xe mới tại thời điểm đề nghị vay vốn *(Băt buôc điền nếu vay CS MBIKE):* ${data\_entry\_de: newVehicleValue} *(VNĐ).* | | | | | | | | | | | | | |
| 10. | Thông tin hợp đồng vay vốn cũ *(Bắt buộc điền nếu vay CS CF):* Số HĐTD: ${data\_entry\_de: contractNumberOtherCredit} | | | | | | | | | | | | | |
|  | Ngày bắt đầu: ${data\_entry\_de: startDatePreviousLoan} | Kỳ hạn: ${data\_entry\_de: loanTenorOtherCredit} (tháng) | | | | | | Giá trị khoản phải trả hàng tháng: ${data\_entry\_de: monthlyPaymentOtherCredit} *(VNĐ)* | | | | | | |
| **III.** | **THÔNG TIN VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP** | | | | | | | | | | | | | |
| 1. | Nghề nghiệp\* : ${data\_entry\_de: professionalStatus} | | | | | | | | | | | | | |
| 2. | Chức vụ\*: ${data\_entry\_de: position} | | | | | | | | | | | | | |
| 3. | Tên đơn vị công tác/cơ sở kinh doanh: ${data\_entry\_de: companyName} | | | | | | | | | | | | | |
| 4. | Địa chỉ đơn vị công tác (trụ sở chính): ${data\_entry\_de: companyAddressStress} - ${data\_entry\_de: companyAddressWard} - ${data\_entry\_de: companyAddressDistrict} - ${data\_entry\_de: companyAddressProvince} | | | | | | | | | | | | | |
| 5. | SĐT đơn vi công tác (trụ sở chính): ${data\_entry\_de: officeNumber} | | | | | | | | | | | | | |
| 6. | Địa chỉ nơi làm việc (thực tế): ${data\_entry\_de: actualWorkingAddress} | | | | | | | | | | | | | |
| 7. | SĐT nơi làm việc (thực tế): ${data\_entry\_de: workingPhoneNumber} | | | | | | | | | | | | | |
| 8. | Mã số thuế công ty/ Hộ kinh doanh cá thể: ${data\_entry\_de: companyTaxNumber} | | | | | | | | | | | | | |
| 9. | Thời gian công tác/kinh doanh: ${data\_entry\_de: experienceInYear} năm ${data\_entry\_de: experienceInMonth} tháng | | | | | 10. | | | Thu nhập/tháng (VNĐ)\*: ${data\_entry\_de: customerIncome} | | | | | |
| 11. | Loại HĐLĐ: ${data\_entry\_de: typeOfLabourContract} | | | | | | | | | | | | | |
| 12. | Hình thức nhận lương\*: ${data\_entry\_de: salaryPaymentType} | | | | | | | | | | | | | |
| 13. | Khoản phải trả hàng tháng tại các TCTD khác (VNĐ)\*: ${data\_entry\_de: amountOtherCreditLoan} | | | | | | | | | | | | | |
| **IV.** | **THÔNG TIN GIA ĐÌNH** | | | | | | | | | | | | | |
| 1. | Mối quan hệ với Người đề nghị vay vốn\*: ${data\_entry\_de: relationshipWithApplicantOther} | | | | | | | | | | | | | |
| 2. | Họ và tên người thân: ${data\_entry\_de: spouseName} | | | | | | | | | | 3. | Ngày sinh\*: ${data\_entry\_de: spouseDOB} | | |
| 4. | Số CMND/CCCD *(Bắt buộc điền nếu là vợ/chồng của Người đề nghị vay vốn*): ${data\_entry\_de: spouseIDNumber} | | | | | | | | | | | | | |
| 5. | SĐT của người thân\*: ${data\_entry\_de: spouseMobilePhone} | | | | | | | | | | 6. | Số người phụ thuộc\*: ${data\_entry\_de: numberOfDependants} | | |
| 7. | Chỗ ở hiện tại\*: ${data\_entry\_de: currentAddressSpouseSum} | | | | | | | | | | | | | |
| **V.** | **THÔNG TIN THAM CHIẾU** | | | | | | | | | | | | | |
| 1. | Họ và tên người tham chiếu 1\*: ${data\_entry\_de: fullName1} | | | | | | | | | | | | | |
|  | Mối quan hệ với Người đề nghị vay vốn\*: ${data\_entry\_de: relationshipWithBorrower1} | | | | | | | | | | | | | |
|  | SĐT\*: ${data\_entry\_de:mobilePhone1} | | | | | | | | | | | | | |
| 2. | Họ và tên người tham chiếu 2\*: ${data\_entry\_de: fullName2} | | | | | | | | | | | | | |
|  | Mối quan hệ với Người đề nghị vay vốn\*: ${data\_entry\_de: relationshipWithBorrower2} | | | | | | | | | | | | | |
|  | SĐT\*: ${data\_entry\_de: mobilePhone2} | | | | | | | | | | | | | |
| 3. | Thông tin nhà cung cấp hàng hóa/Khách hàng thường xuyên *(Bắt buộc nếu vay CS Self-Employed):* | | | | | | | | | | | | | |
|  | (1) Họ và tên: ${data\_entry\_de: fullName3De2} | | | | | | | | | | | | SĐT: ${data\_entry\_de: mobilePhone3De2} | |
|  | (2) Họ và tên: ${data\_entry\_de: fullName4De2} | | | | | | | | | | | | SĐT: ${data\_entry\_de: mobilePhone4De2} | |
| **VI.** | **KÝ HỢP ĐỒNG VÀ GIẢI NGÂN** | | | | | | | | | | | | | |
| 1. | Địa điểm ký kết Hợp đồng\*: ${data\_entry\_de: shopName} | | | | | | | | | | | | | |
| 2. | Giải ngân theo hình thức\*: ${data\_entry\_de: disbursementChannel} | | | | | | | | | | | | | |
|  | Mở tại Ngân hàng: ${data\_entry\_de: accountNumber} | | | | | | PGD/Chi nhánh: ${data\_entry\_de: atBank} | | | | | | | |
| **VII.** | **CAM KẾT CỦA NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN\*:** | | | | | | | | | | | | | |
| 🗹 | *Tôi cam đoan tất cả các thông tin, tài liệu cung cấp cho Mcredit là chính xác, hợp pháp và không có thông tin nào bị che giấu hoặc bị làm sai lệch..* | | | | | | | | | | | | | **NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN2**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |
| 🗹 | *Trong quá trình làm hồ sơ vay vốn, tôi không phải trả thêm bất kỳ khoản phí nào cho nhân viên Mcredit hoặc bất kỳ đối tượng nào khác.* | | | | | | | | | | | | |
| 🗹 | *Tôi* *đồng ý cho Mcredit cung cấp thông tin cá nhân và thông tin khoản vay cho bên thứ ba và đồng ý nhận thông tin quảng cáo của Mcredit.* | | | | | | | | | | | | |
| **VIII.** | **NHÂN VIÊN BÁN HÀNG** | | | | | | | | | | | | | |
| 1. | Họ và tên: ${data\_entry\_de: saleName} | | | | | | | | | | | | | |
| 2. | Mã Nhân viên: ${data\_entry\_de: saleCode} | | | 3. | | | | | | SĐT: ${data\_entry\_de: saleMobile} | | | | |
| 4. | Cam kết của Nhân viên bán hàng: | | | | | | | | | | | | | |
| 🗹 | Tôi đã kiểm tra và đối chiếu các thông tin trên giấy tờ với bản gốc *(Đối với kênh bán hàng trực tiếp và kênh bán hàng qua đối tác).* | | | | | | | | | | | | | |
| 🗹 | Tôi đã kiểm tra, đối chiếu với giấy tờ và khai báo lại một cách trung thực các thông tin Người đề nghị vay vốn đã cung cấp (*Đối với kênh bán hàng qua điện thoại trường hợp áp dụng quy trình không có nhân viên thu thập hồ sơ).* | | | | | | | | | | | | | |
| 🗹 | Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ thu thập được. | | | | | | | | | | | | | |
| 5. | Chữ ký của Nhân viên bán hàng: | | | | | | | | | | | | | |
| ***GHI CHÚ:***  *……………………………………………………………………………………………………………………..............*  *……………………………………………………………………………………………………………………………….*  *……………………………………………………………………………………………………………………..............*  *………………………………………………………………………………………………………………………………* | | | | | | | | | | | | | | |